

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí tại Km16+905 và trạm thu phí tại Km50+050, Quốc lộ 91

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH11 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí tại Km16+905 và trạm thu phí tại Km50+050, Quốc lộ 91 như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ trạm thu phí tại Km16+905 (sau đây gọi tắt là Trạm T1) và trạm thu phí tại Km50+050 (sau đây gọi tắt là Trạm T2), Quốc lộ 91 thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 159/2013/TT-BTC).

Điều 2. Biểu mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ Trạm T1 và Trạm T2, Quốc lộ 91 (mức thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Điều 3. Điều kiện thu phí

1. Đối với Trạm T1, thời gian bắt đầu thu phí theo mức phí tại Thông tư này kể từ khi: Đoạn tuyến từ Km14 đến Km50+889 Quốc lộ 91 đã được thực hiện nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng; được Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định cho phép thu phí.

2. Đối với Trạm T2, thời gian bắt đầu thu phí theo mức phí tại Thông tư này kể từ khi: Đoạn tuyến từ Km0 đến Km15+793 Quốc lộ 91B đã được thực

hiện nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng; được Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định cho phép thu phí.

Điều 4. Thu, nộp phí

1. Kể từ ngày Trạm T1 được phép thu phí

Đến trạm thu phí, người điều khiển phương tiện phải nộp phí, được nhận Liên 2 vé thu phí (liên giao cho người nộp phí) và qua trạm. Chủ phương tiện mua vé tháng, vé quý và sử dụng tại trạm T1 theo quy định.

2. Kể từ ngày Trạm T2 được phép thu phí (thu phí cả 02 trạm)

a) Đối với phương tiện sử dụng vé lượt

Trường hợp phương tiện đi qua 01 trạm (T1 hoặc T2), người điều khiển phương tiện nộp phí tại trạm đó. Trường hợp phương tiện qua 02 trạm (T1 và T2), người điều khiển phương tiện nộp phí tại trạm đến đầu tiên và không phải nộp khi qua trạm thứ 2, cụ thể như sau:

- Đối với phương tiện lưu thông hướng từ Cần Thơ đến An Giang

Trường hợp phương tiện đi hết tuyến (qua cả trạm T1 và trạm T2): Đến trạm T1, người điều khiển phương tiện nộp phí. Nhân viên thu phí thực hiện thu phí và phát cho người điều khiển phương tiện Liên 2 và Liên 3 (liên báo soát). Đến trạm T2, người điều khiển phương tiện nộp Liên 2, Liên 3 cho nhân viên thu phí và không phải nộp phí khi qua trạm. Nhân viên thu phí giữ lại Liên 3 và trả Liên 2 cho người điều khiển phương tiện.

Trường hợp phương tiện không đi hết tuyến: Xe qua trạm T1: Đến trạm T1, người điều khiển phương tiện nộp phí. Nhân viên thu phí thực hiện thu phí và phát cho người điều khiển phương tiện Liên 2 và Liên 3; Xe chỉ qua trạm T2 (không qua trạm T1): Đến trạm T2, người điều khiển phương tiện nộp phí. Nhân viên thu phí thực hiện thu phí và phát cho người điều khiển phương tiện Liên 2.

- Xe lưu thông hướng An Giang đến Cần Thơ

Trường hợp phương tiện đi hết tuyến (qua cả trạm T2 và trạm T1): Đến trạm T2, người điều khiển phương tiện nộp phí. Nhân viên thu phí thực hiện thu phí và phát cho người điều khiển phương tiện Liên 2 và Liên 3. Đến trạm T1, người điều khiển phương tiện nộp Liên 2, Liên 3 cho nhân viên thu phí và không phải nộp phí khi qua trạm. Nhân viên thu phí giữ lại Liên 3 và trả Liên 2 cho người điều khiển phương tiện.

Trường hợp phương tiện không đi hết tuyến: Xe qua trạm T2: Đến trạm T2, người điều khiển phương tiện nộp phí. Nhân viên thu phí thực hiện thu phí và phát cho người điều khiển phương tiện Liên 2 và Liên 3; Xe chỉ qua trạm T1 (không qua trạm T2): Đến trạm T1, người điều khiển phương tiện nộp phí. Nhân viên thu phí thực hiện thu phí và phát cho người điều khiển phương tiện Liên 2.

b) Liên 3 có chứa thông tin kiểm soát (mã vạch), gắn liền với Liên 1 và Liên 2. Liên 3 chỉ được sử dụng cho đúng phương tiện đã mua phí qua trạm trước; không sử dụng cho phương tiện khác. Liên 3 có giá trị trong vòng 24 giờ kể từ khi người điều khiển phương tiện được phát, không có giá trị qua trạm chiều ngược lại.

Ví dụ, xe của ông A đi từ Cần Thơ đến An Giang. Đến Trạm T1, ông A nộp phí Trạm T1, nhận Liên 2 và Liên 3. Ông A qua Trạm T2 (qua ngay hoặc qua trong thời gian 24 giờ, kể từ khi qua trạm T1) nộp Liên 2, Liên 3 cho nhân viên thu phí và không phải nộp phí khi qua trạm. Nhân viên thu phí giữ lại Liên 3 và trả Liên 2 cho ông A. Ông A không được sử dụng Liên 3 qua Trạm T1 ở chiều ngược lại (từ An Giang đến Cần Thơ).

c) Đối với phương tiện sử dụng vé tháng, vé quý: Chủ phương tiện mua vé tháng, vé quý của trạm T1 hoặc trạm T2 được sử dụng qua cả 02 trạm.

Điều 5. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí sử dụng đường bộ sử dụng tại Trạm T1 và Trạm T2, Quốc lộ 91 thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 159/2013/TT-BTC. Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí thực hiện việc đăng ký mẫu chứng từ thu phí phù hợp với mức phí quy định tại Điều 2 và quy trình thu, nộp phí quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 6. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được

1. Phí sử dụng đường bộ Trạm T1 và Trạm T2, Quốc lộ 91 được thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 159/2013/TT-BTC. Tổng số tiền thu phí hàng năm sau khi trừ các khoản thuế theo quy định được xác định là khoản tiền hoàn vốn theo phương án tài chính của Hợp đồng BOT (và Phụ lục Hợp đồng) Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91.

2. Đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ Trạm T1 và Trạm T2, Quốc lộ 91 có trách nhiệm:

a) Tổ chức các điểm bán vé tại trạm thu phí thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông, tránh ùn tắc giao thông, bán kịp thời đầy đủ các loại vé theo yêu cầu của người mua, không hạn chế thời gian bán vé tháng, vé quý;

b) Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, sử dụng chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ theo quy định;

c) Báo cáo kết quả thu phí định kỳ tháng, quý, năm theo quy định của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Các Bên tham gia ký kết Hợp đồng BOT thực hiện điều chỉnh phương án tài chính của Hợp đồng BOT dự án phù hợp với mức thu phí quy định tại Thông tư này.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ tại Trạm T1 và Trạm T2, Quốc lộ 91 không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ tại Trạm T1 và Trạm T2, Quốc lộ 91 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. /.


Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố Cần Thơ;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công ty cổ phần đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vu Thị Mai


MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
TẠI TRẠM T1 VÀ TRẠM T2 QUỐC LỘ 91
 (Kèm theo Quyết định số 50/2015/TT-BTC ngày 01/10/2015 của Bộ Tài chính)

Số TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá (đồng/vé)		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại xe buýt vận tải khách công cộng	35.000	1.050.000	2.835.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	50.000	1.500.000	4.050.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên, xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	75.000	2.250.000	6.075.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	140.000	4.200.000	11.340.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	200.000	6.000.000	16.200.000

Ghi chú:

- Mức thu trong Biểu nêu trên áp dụng riêng tại từng trạm.
- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế (trọng tải hàng hoá), căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo trọng lượng toàn bộ của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng./.